

**CURRENT STATUS OF TEACHING ACTIVITIES
OF LECTURERS AT HA NAM MEDICAL COLLEGE
THROUGH A SURVEY OF OPINIONS FROM REGULAR STUDENTS IN 2025**

Nguyen Manh Cuong^a

Pham Thanh Liem^b

^{a,b}Ha Nam Medical College

^aEmail: Bscuongcyh@gmail.com

ORCID ID: <https://orcid.org/0009-0005-4954-0950>

^bEmail: ptliem81@gmail.com

ORCID ID: <https://orcid.org/0009-0007-8417-9974>

Article History

Received: 15/01/2026

Reviewed: 25/01/2026

Revised: 12/02/2026

Accepted: 01/03/2026

Released: 30/03/2026

DOI: <https://doi.org/10.64223/tvj.e2026.v2.i5.a80>

Abstract:

This study describes the current state of the survey results of full-time students regarding the teaching activities of lecturers at Ha Nam Medical College in 2025. The cross-sectional descriptive study analyzed the data from 173 full-time students at Ha Nam Medical College in 2025. The results showed that the majority of respondents rated the lecturers' teaching activities as good or fair (99.4%). For each specific criterion, students rated the highest average level for the criterion "Information on courses and teaching materials" (23.1%) and the lowest for the criteria "Assessment" (9.8%) and "Pedagogical conduct" (9.8%). In conclusion, it is necessary to improve the provision of information on the modules/courses of the training program and to continue innovating and updating teaching content and methods as a regular activity to enhance the quality of training at the college.

Keywords: *Teaching activities; Full-time students; Ha Nam Medical College.*

1. Đặt vấn đề

“Phát triển giáo dục nghề nghiệp là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong phát triển nguồn nhân lực để tranh thủ thời cơ dân số vàng, hình thành nguồn nhân lực trực tiếp có chất lượng, hiệu quả và kỹ năng nghề cao, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước” là quan điểm chỉ đạo trong Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Hướng đến mục tiêu chủ đạo là “đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, cơ cấu, chất lượng nhân lực có kỹ năng nghề cho phát triển đất nước trong từng giai đoạn” (Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2021). Quyết định số 2239/QĐ - TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045).

Để đạt được mục tiêu trên đòi hỏi Chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) phải xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam trên cơ sở có tham chiếu các chuẩn khu vực và quốc tế; đổi mới quy trình, phương

pháp phát triển chương trình đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, liên thông dựa trên mô đun, tín chỉ và các quy đổi tương đương, đáp ứng chuẩn đầu ra và khối lượng học tập tối thiểu (Nguyễn, Q.V.,2017).

Cơ sở để đổi mới, cập nhật chương trình đào tạo là công tác kiểm định chất lượng, trong đó việc khảo sát ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV và nhà trường là một trong những nội dung bắt buộc (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2024). Để có số liệu đánh giá hoạt động giảng dạy của GV nhà trường chúng tôi thực hiện đề tài: “Thực trạng hoạt động giảng dạy của GV Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam qua khảo sát ý kiến Sinh viên hệ chính quy năm 2025” với mục tiêu: Mô tả thực trạng kết quả khảo sát ý kiến Sinh viên hệ chính quy về hoạt động giảng dạy của GV Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam năm 2025.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: 173 sinh viên các lớp chính quy đang học các ngành Cao đẳng Điều dưỡng, Cao đẳng Dược, Cao đẳng Y sỹ tại Trường Cao đẳng Y tế

Hà Nam năm 2025.

2.2 Cỡ mẫu và chọn mẫu

Chọn mô đun/môn học: Chọn mẫu ngẫu nhiên đơn bằng cách lập danh sách và đánh số thứ tự các mô đun/môn học Học kỳ I năm học 2025 - 2026 của từng lớp chính quy ngành Cao đẳng Điều dưỡng, Cao đẳng Dược, Cao đẳng Y sỹ. Sau đó, rút thăm ngẫu nhiên chọn 1 mô đun/môn học đối với 1 lớp học.

Chọn đối tượng nghiên cứu: Chọn toàn bộ sinh viên có mặt tại buổi thu thập số liệu.

2.3. Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích.

2.4. Cách thức tiến hành nghiên cứu

Bộ công cụ bao gồm:

Phần 1: Đặc điểm đối tượng nghiên cứu bao gồm: Thông tin về: tuổi, giới, ngành học, hộ khẩu thường trú...

Phần 2: Đánh giá của sinh viên về hoạt động giảng dạy của GV: Được xây dựng dựa trên 5 nội dung (tiêu

chí) đánh giá, mỗi tiêu chí có các tiêu chuẩn (câu hỏi). Mỗi tiêu chuẩn được đánh giá bằng thang điểm Likert 5. Điểm đánh giá mỗi câu hỏi nằm trong khoảng 1 - 5 tương ứng 1: Hoàn toàn không đồng ý; 2: Không đồng ý; 3: Phân vân; 4: Đồng ý; 5: Hoàn toàn đồng ý.

Điểm đánh giá: gồm 05 tiêu chí (29 tiêu chuẩn), tối đa 145 điểm.

Tiêu chí 1: Thông tin các môn học và tài liệu giảng dạy (B1) có 05 tiêu chuẩn, tối đa 25 điểm.

Tiêu chí 2: Phương pháp giảng dạy của GV (B2) có 07 tiêu chuẩn, tối đa 35 điểm.

Tiêu chí 3: Nội dung giảng dạy (B3) có 05 tiêu chuẩn, tối đa 25 điểm.

Tiêu chí 4: Kiểm tra đánh giá (B4) có 06 tiêu chuẩn, tối đa 30 điểm.

Tiêu chí 5: Tác phong sư phạm (B5) có 06 tiêu chuẩn, tối đa 30 điểm.

Phân loại đánh giá các tiêu chí về hoạt động giảng dạy của GV:

Phân loại Tiêu chí	Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt
B1 (Max=25 điểm)	≥ 20	18 - 19	13 - 17	≤ 12
B2 (Max=35 điểm)	≥ 28	25 - 27	18 - 24	≤ 17
B3 (Max=25 điểm)	≥ 20	18 - 19	13 - 17	≤ 12
B4 (Max=30 điểm)	≥ 24	21 - 23	15 - 20	≤ 14
B5 (Max=30 điểm)	≥ 24	21 - 23	15 - 20	≤ 14
Chung (B1+...+B5) (Max= 145 điểm)	≥ 116	102 - 115	73 - 101	≤ 72

2.5. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

- Dữ liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0

- Kết quả nghiên cứu được trình bày dưới dạng số lượng và tỷ lệ phần trăm (%).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Đặc điểm chung đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Tuổi		
≤ 20	141	81,5
> 20	32	18,5
Giới		
Nam	57	32,9
Ngành học		
Điều dưỡng	67	38,7
Dược	50	28,9
Y sỹ	56	32,4

Năm sinh viên		
Sinh viên năm thứ I	71	41,0
Sinh viên năm thứ II	53	30,6
Sinh viên năm thứ III	49	28,4
Mô đun/môn học được đánh giá		
Mô đun/môn học chung	71	41,0
Mô đun/môn học cơ sở ngành	36	20,8
Mô đun/môn học chuyên ngành	66	38,2

Nhận xét: Đa số ĐTNCC có độ tuổi ≤ 20 với tỷ lệ 81,5%, nữ giới chiếm tỷ lệ 67,1% cao gấp hơn 2 lần nam giới. Sinh viên ngành Điều dưỡng chiếm tỷ lệ cao nhất là 38,7%, ngành Y sỹ 32,4% và ngành Dược 28,9%. Có 41,0% sinh viên năm thứ nhất, 30,6% sinh viên năm thứ hai và 28,4% sinh viên năm thứ ba.

3.2. Đánh giá của sinh viên về tiêu chí thông tin các môn học và tài liệu giảng dạy (B1)

Đánh giá tiêu chí B1	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tốt	69	39,9
Khá	64	37,0
Trung bình	40	23,1
Tổng	173	100,0

Nhận xét: Đối tượng nghiên cứu đánh giá tiêu chí thông tin các môn học và tài liệu giảng dạy đạt loại tốt chiếm tỷ lệ cao nhất (39,9%), sau đó là loại khá (37,0%) và loại trung bình (23,1%).

3.3. Đánh giá của sinh viên về tiêu chí phương pháp giảng dạy của GV (B2)

Đánh giá tiêu chí B2	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tốt	83	48,0
Khá	70	40,5
Trung bình	20	11,5
Tổng	173	100,0

Nhận xét: Đối tượng nghiên cứu đánh giá tiêu chí phương pháp giảng dạy của giảng viên đạt loại tốt chiếm tỷ lệ cao nhất (48,0%), tiếp sau là loại khá (40,5%) và loại trung bình (11,5%).

3.4. Đánh giá của sinh viên về tiêu chí nội dung giảng dạy (B3)

Đánh giá tiêu chí B3	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tốt	67	38,7
Khá	70	40,5
Trung bình	36	20,8
Tổng	173	100,0

Nhận xét: Đối tượng nghiên cứu đánh giá tiêu chí nội dung giảng dạy đạt loại khá chiếm tỷ lệ cao nhất (40,5%), sau đó là loại tốt (38,7%) và loại trung bình (20,8%).

3.5. Đánh giá của sinh viên về tiêu chí kiểm tra đánh giá (B4)

Đánh giá tiêu chí B4	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tốt	86	49,7
Khá	70	40,5
Trung bình	17	9,8
Tổng	173	100,0

Nhận xét: Đối tượng nghiên cứu đánh giá tiêu chí kiểm tra đánh giá đạt loại tốt chiếm tỷ lệ cao nhất (49,7%), tiếp sau là loại khá (40,5%) và loại trung bình (9,8%).

3.6. Đánh giá của sinh viên về tác phong sư phạm (B5)

Đánh giá tiêu chí B5	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tốt	80	46,3
Khá	76	43,9
Trung bình	17	9,8
Tổng	173	100,0

Nhận xét: Đối tượng nghiên cứu đánh giá tiêu chí tác phong sư phạm đạt loại tốt chiếm tỷ lệ cao nhất (46,3%), sau đó là loại khá (43,9%) và loại trung bình (9,8%).

3.7. Đánh giá chung của sinh viên về hoạt động giảng dạy của GV

Đánh giá tiêu chí (B1+B2+B3+B4+B5)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tốt	33	19,1
Khá	139	80,3
Trung bình	1	0,6
Tổng	173	100,0

Nhận xét: Đối tượng nghiên cứu đánh giá tiêu chí hoạt động giảng dạy của GV đạt loại khá chiếm tỷ lệ cao nhất (80,3%), tiếp sau là loại tốt (19,1%) và loại trung bình (0,6%).

4. Bàn luận

4.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận phần lớn đối tượng nghiên cứu là nữ giới (67,1%) cao gấp hơn 2 lần so với đối tượng nam giới (32,9%). Tỷ lệ giới tính tương đối khác biệt so với các nghiên cứu tại Namibia năm 2022 với nữ giới chiếm 58,1% (Nestor Tomas, 2022) nhưng khá tương đồng với tỷ lệ 86,7% nữ sinh viên tham gia nghiên cứu năm 2018 tại Hoa Kỳ (Jeong IL Cho, 2018). Đa số sinh viên trong nghiên cứu thuộc nhóm ≤ 20 tuổi (81,5%), kết quả này phản ánh đặc thù của các trường cao đẳng khối ngành sức khỏe với đối tượng tuyển sinh là học sinh tốt nghiệp THPT và khung thời gian đào tạo là 3 năm. Khi nghiên cứu về phân bố ngành học của sinh viên, kết quả không có sự chênh lệch quá lớn giữa 3 ngành học chính quy trình độ cao đẳng của nhà trường: sinh viên ngành Điều dưỡng (38,7%), ngành Y sỹ (32,4%), ngành Dược (28,9%). Trong đó, sinh viên năm thứ I chiếm tỷ lệ cao nhất (41,0%); sinh viên năm thứ II (30,6%) và sinh viên năm thứ III (28,4%). Bên cạnh đó, do đặc điểm tiến trình đào tạo của các mã ngành, kết quả thống kê của chúng tôi ghi nhận tỷ lệ ĐTNC đánh giá hoạt động giảng dạy mô đun/môn học chung (41,0%); mô đun/môn học chuyên ngành (38,2%) và mô đun/môn học cơ sở ngành (20,8 %).

4.2. Đánh giá của sinh viên về hoạt động giảng dạy của GV

Đối với hoạt động giảng dạy của GV môn học, việc cung cấp thông tin và tài liệu giảng dạy đóng vai trò quan trọng trong bối cảnh “lấy người học làm trung tâm” và xu thế chuyển đổi số trong GDNN. Cung cấp thông tin và tài liệu giảng dạy sẽ giúp sinh viên chủ động trong việc thực hiện tiến trình học tập của bản thân. Nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận sinh viên đánh giá tiêu chí cung cấp thông tin và tài liệu giảng dạy ở mức tốt và khá (76,9%) trong khi vẫn còn số lượng đáng kể sinh viên đánh giá tiêu chí ở mức trung bình (23,1%). Các nghiên cứu trước đó cũng chỉ ra sinh viên khối ngành sức khỏe đánh giá cao việc được cung cấp thông tin và tài liệu giảng dạy môn học (Constantinou and Wijnen Meijer, 2022), (Murray.D.,2020). Trong GDNN, phương pháp và nội dung giảng dạy của GV có vai trò định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi mô đun/môn học và của cả chương trình đào tạo. Trong nghiên cứu này, phương pháp giảng dạy và nội dung giảng dạy của GV được đa số sinh viên đánh giá ở mức tốt và khá với tỷ lệ lần lượt là 88,8% và 79,2%. Tuy nhiên, một số nghiên cứu cũng đề cập đến những tranh luận nảy sinh xoay quanh năng lực đưa ra phán đoán của sinh viên cũng như tác động của những

yếu tố nhiều (ngoại hình, giới tính GV...) vào kết quả đánh giá (Hwang.J.E et al, 2017), (Schiekirka, S, 2015). Nhưng có một điểm chung mà kết quả các nghiên cứu đều khẳng định, sinh viên là chủ thể của quá trình đào tạo và những đánh giá của họ giúp GV môn học có những điều chỉnh về mặt phương pháp và nội dung giảng dạy cho phù hợp.

Những thống kê trong nghiên cứu của chúng tôi về tiêu chí Kiểm tra đánh giá và Tác phong sư phạm khá tương đồng về mặt tỷ lệ với 90,2% đánh giá ở mức khá và tốt. Đồng thời, cũng ghi nhận tỷ lệ đánh giá ở mức trung bình thấp nhất (9,8%) trong số 5 tiêu chí. Nghiên cứu tương tự tại Ghana năm 2022 và Ả rập Xê út năm 2023 cũng cho thấy, một tỷ lệ tương đồng, trong đó tiêu chí kiểm tra đánh giá được sinh viên coi trọng bởi nó ảnh hưởng đến kết quả chung của toàn khóa học và tiêu chí tác phong sư phạm đem lại cho sinh viên hình mẫu về hoạt động nghề nghiệp, đặc biệt là những môn học có nhiều thời lượng thực hành (Hwang.J.E et al,2017), (Quansah. F., 2022). Mặc dù sinh viên đánh giá các tiêu chí của hoạt động giảng dạy ở mức trung bình có tỷ lệ dao động từ cao nhất là 23,1% đến thấp nhất là 9,8%, nhưng kết quả

đánh giá chung về hoạt động giảng dạy của GV qua phân tích của chúng tôi chỉ có 0,6% đối tượng nghiên cứu đánh giá ở mức độ trung bình. Một tỷ lệ đa số (99,4%) đánh giá hoạt động giảng dạy của GV ở mức tốt và khá phần nào phản ánh chất lượng đào tạo của nhà trường, nhưng cũng cần lưu ý những đánh giá này chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố nhiều mà nhóm nghiên cứu đã lý giải ở trên. Việc cải thiện các tiêu chí cung cấp “Thông tin các môn học và tài liệu giảng dạy”, đổi mới, cập nhật “Nội dung giảng dạy” và “Phương pháp giảng dạy” cũng rất quan trọng thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn cũng như hoạt động kiểm tra, giám sát của nhà trường.

5. Kết luận

Đa số ĐTNC đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên ở mức tốt và khá (99,4%).

Đánh giá của sinh viên ở mức độ trung bình cao nhất đối với tiêu chí “Thông tin các môn học và tài liệu giảng dạy” (23,1%) và thấp nhất đối với tiêu chí “Kiểm tra đánh giá” (9,8%) và “Tác phong sư phạm” (9,8%).

Tài liệu tham khảo

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2024). Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
- Constantinou and Wijnen Meijer (2022). *Student evaluations of teaching and the development of a comprehensive measure of teaching effectiveness for medical schools*, BMC Medical Education (2022) 22:113
- Hwang, J.E et al (2017). *Individual class evaluation and effective teaching characteristics in integrated curricula*. BMC Medical Education (2017) 17:252
- Jeong IL Cho (2018). *Influential Factors of Student Evaluations of Teaching in a Nursing Program*, Teaching and Learning in Nursing 13(2):86-94
- Murray, D. (2020). *Exploring the personal and professional factors associated with student evaluations of tenure-track faculty*. Plos One, June 3, 2020.
- Nguyễn, Q.V., (2017). *Chuẩn đầu ra giáo dục nghề nghiệp - Khung khái niệm và quy trình xây dựng*. Tạp chí Khoa học Dạy nghề số 40+41.
- Nestor, T., (2022). *Factors influencing undergraduate nursing students' evaluation of teaching effectiveness in a nursing program at a higher education institution in Namibia*, International Journal of Africa Nursing Sciences 17 (2022).
- Quansah, F., (2022). *Item and rater variabilities in students' evaluation of teaching in a university in Ghana: application of Many-Facet Rasch Model*. Cell Press, Heliyon 8 (2022).
- Schiekirka, S., (2015). *A systematic review of factors influencing student ratings in undergraduate medical education course evaluations*. BMC Medical Education (2015) 15:30.
- Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2021). Quyết định số 2239/QĐ - TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ NAM
QUA KHẢO SÁT Ý KIẾN CỦA SINH VIÊN HỆ CHÍNH QUY NĂM 2025

Nguyễn Mạnh Cường^a

Phạm Thanh Liêm^b

^{a,b}Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam

^aEmail: Bscuongcyh@gmail.com

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0005-4954-0950>

^bEmail: ptliem81@gmail.com

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0007-8417-9974>

Lịch sử bài báo

Ngày nhận bài: 15/01/2026

Ngày phản biện: 25/01/2026

Ngày tác giả sửa: 12/02/2026

Ngày duyệt đăng: 01/03/2026

Ngày phát hành: 30/03/2026

DOI: <https://doi.org/10.64223/tvj.e2026.v2.i5.a80>

Tóm tắt:

Mô tả thực trạng kết quả khảo sát ý kiến của sinh viên hệ chính quy về hoạt động giảng dạy của giảng viên (GV) Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam năm 2025. Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích trên đối tượng là 173 sinh viên hệ chính quy của Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam năm 2025. Kết quả, đa số ĐTNC đánh giá hoạt động giảng dạy của GV đạt mức tốt và khá (99,4%). Đối với từng tiêu chí cụ thể, sinh viên đánh giá đạt mức độ trung bình cao nhất đối với tiêu chí “Thông tin các môn học và tài liệu giảng dạy” (23,1%) và thấp nhất đối với tiêu chí “Kiểm tra đánh giá” (9,8%) và “Tác phong sư phạm” (9,8%). Kết luận, cần cải thiện hoạt động cung cấp thông tin về các mô đun/môn học của chương trình đào tạo và tiếp tục đổi mới, cập nhật nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy như một hoạt động thường quy để nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Từ khóa: Hoạt động giảng dạy; Sinh viên hệ chính quy; Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam.